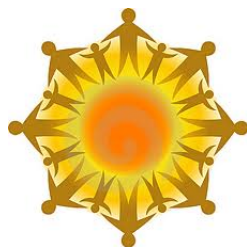


TÍNH CHỦ THỂ VÀ NÂNG QUYỀN



Agency for
Community Empowerment



Thư Ban Biên Tập

Đối với các chương trình phát triển, nâng quyền là một thuật ngữ khá quen thuộc và thường được sử dụng như là chỉ số cho sự thành công và tính bền vững của chương trình. Thuật ngữ này không mới ở Việt Nam, tuy nhiên, cách phân tích, cách phiên giải và ngay cả việc sử dụng ngôn từ liên quan đến thuật ngữ này cũng còn nhiều tranh cãi. Đầu đó chúng ta vẫn thấy những từ khác nhau được sử dụng như “nâng quyền”, “trao quyền”, “nâng cao vị thế”. Để giúp độc giả có cái nhìn đầy đủ hơn về thuật ngữ này và giúp nâng quyền trở thành hiện thực, Trung tâm Thông tin Tư liệu về Giới, Tình dục và Sức khỏe xin dành trọn Bản tin số 4 này để cập nhật với độc giả về các thảo luận xung quanh khái niệm và chỉ số đo lường về nâng quyền, đồng thời giới thiệu một số mô hình can thiệp tiềm năng ở Việt Nam về nâng quyền cho các nhóm thiệt thòi và dễ bị tổn thương trong xã hội.

Để giúp mọi người có nhìn nhận đúng về nâng quyền, hai yếu tố quan trọng sẽ được giới thiệu trong Bản tin là “tính chủ thể” và bối cảnh xã hội. “Tính chủ thể” - khả năng ra quyết định có ý nghĩa với bản thân - là một khái niệm không thể tách rời khi nói về nâng quyền. Ta chỉ có thể biết về nâng quyền thông qua sự nhìn nhận và thể hiện tính chủ thể của cá nhân hay nhóm. Trong khi đó, bối cảnh xã hội - một yếu tố luôn thay đổi - không thể hiện nâng quyền nhưng lại là cơ sở để xác định một ứng xử nào đó đã là nâng quyền hay chưa. Nâng quyền không tồn tại độc lập và không có giá trị tuyệt đối mà chỉ có thể xác định và có ý nghĩa trong từng bối cảnh cụ thể.

Hai cuốn sách của Ngân hàng thế giới trong mục Điểm sách sẽ cung cấp thông tin về các khái niệm nâng quyền đang sử dụng cũng như các chỉ số đo lường. Hai cuốn sách này cũng chỉ ra các thách thức và bài học kinh nghiệm về áp dụng các khung khái niệm và các chỉ số đó trong thực tế. Trong cuốn sách thứ nhất, học giả Ruth Alsop và đồng nghiệp đưa ra một khung khái niệm đơn giản về nâng quyền, có thể sử dụng cả trong phân tích mang tính “hàn lâm” và ứng dụng thực tiễn. Khung khái niệm này nhấn mạnh mối quan hệ quyền lực luôn biến động và có tính tương tác giữa “chủ thể” và “cấu trúc”. Trong khi đó, ở cuốn sách thứ hai, Deepa Narayan lại nhấn mạnh các cách phiên giải khác nhau về nâng quyền khi nhìn ở hai góc độ khác nhau là “tiền trình” và “kết quả”. Bà cũng phân biệt bốn mức độ khác nhau của nâng quyền - cá nhân, gia đình, cộng đồng/ địa phương và xã hội/ quốc gia.

Trong mục giới thiệu các nghiên cứu và can thiệp, loạt bài nghiên cứu sẽ đưa ra các phân tích về nâng quyền, “tính chủ thể”, sự tự chủ và nội lực với các nhóm cụ thể như người dân tộc thiểu số, phụ nữ bị bạo lực, phụ nữ và trẻ em gái bị buôn bán, người có HIV, người làm nghề mại dâm, người di cư ngoại tỉnh v.v. Các tác giả trong các nghiên cứu đã thách thức cách nhìn truyền thống về những nhóm này là những “nạn nhân” yếu đuối và cần được bảo vệ.

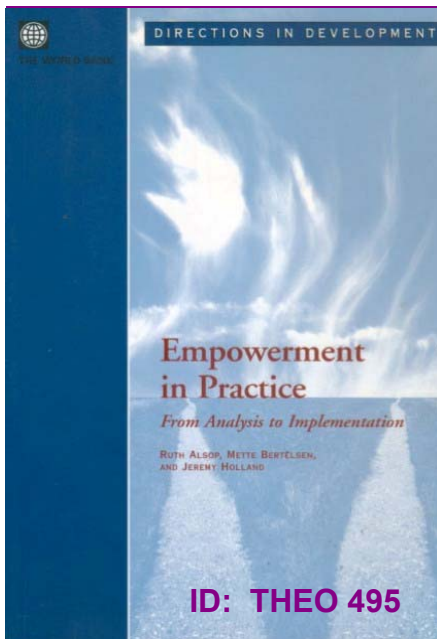
Để minh họa cho các bàn luận lý thuyết, chúng tôi giới thiệu

hai can thiệp về nâng quyền cho phụ nữ được thực hiện ở Việt Nam – một về phụ nữ tham chính, và một về phụ nữ bị bạo lực gia đình. Các ví dụ này là những minh họa sinh động cho mối quan hệ tương tác giữa “tính chủ thể” và thực hành/quyết định của một người và bối cảnh cá nhân và xã hội cụ thể của người đó, và tầm quan trọng của việc cần quan tâm đến các yếu tố này khi phân tích hay phiên giải nâng quyền.

Cuối bản tin vẫn sẽ là các thông tin về sự kiện và thông tin thư viện như thường lệ. Chúng tôi hy vọng rằng bạn đọc sẽ tìm được những thông tin hữu ích cho mình trong bản tin. Chúng tôi cũng mong nhận được các ý kiến góp ý của các bạn để bản tin ngày càng hoàn thiện hơn.

Nội dung

Thư Ban biên tập	1
Điểm sách <i>Nâng quyền trong thực tế: từ phân tích đến thực hiện</i>	2
<i>Đo lường nâng quyền: quan điểm từ các ngành nghiên cứu khác nhau</i>	3-4
Giới thiệu các nghiên cứu và can thiệp	5-10
Sự kiện sắp tới	8
Trung tâm thông tin tư liệu	11-12



Nâng quyền trong thực tế: từ phân tích đến thực hiện

Ruth Alsop, Mette Frost Bertelsen & Jeremy Holland, 2006

Nâng quyền là một thuật ngữ quen thuộc trong lĩnh vực phát triển. Các mục tiêu về nâng quyền cũng xuất hiện ngày một nhiều trong các văn bản chính sách của chính phủ, đặc biệt là những chính sách liên quan đến xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, người ta đã sử dụng nhiều cách phiên giải khác nhau khi phân tích về nâng quyền cũng như khi nói về ý nghĩa của nó. Thậm chí ngay trong một tổ chức cũng dùng những cách phiên giải khác nhau. Vấn đề là những phiên giải này thường không thống nhất. Trong khi đó, các tài liệu mang tính thực tiễn về đo lường, theo dõi và giám sát quá trình hướng tới các mục tiêu nâng quyền thì lại rất hạn chế. Chính vì vậy mục tiêu của cuốn sách là nhằm đưa ra một cách hiểu chung về khái niệm “nâng quyền”.

Cuốn sách đã sử dụng một khung phân tích đơn giản giúp các nhà nghiên cứu hoặc những người làm chương trình xác định được các vấn đề trọng tâm cần lưu ý cho quá trình thực hiện nâng quyền. Sau chương 1 là chương đưa ra những giới thiệu chung về cuốn sách, cuốn sách được chia thành hai phần. Phần một từ chương 2 đến 6 trình bày khung phân tích và các chỉ số. Phần hai từ chương 7 đến 11 là các nghiên cứu trường hợp minh họa cho các lý thuyết ở phần một.

Chương 2 trình bày khung phân tích nhằm giúp người đọc hiểu về nâng quyền và đo lường được nâng quyền, đồng thời giúp cho việc định hình và thiết kế các can thiệp nhằm hướng tới nâng quyền ở mức độ cao hơn đối với các cá nhân và các nhóm khác nhau. Khung này tập trung vào mối quan hệ tương tác giữa cấu trúc và tính chủ thể. Khung phân tích này được đưa ra dựa trên cách thức phân tích truyền thống lâu đời về quyền lực trong các nghiên cứu xã hội học.

Chương 3 tóm lược một số thách thức trong đo lường nâng quyền. Những thách thức này được rút ra từ tổng quan tài liệu và từ các nghiên cứu trường hợp tại 5 quốc gia. Phần tiếp theo của chương đưa ra cách xây dựng các chỉ số nâng quyền nhằm giúp giải quyết những thách thức đó. Cuối cùng, chương này xem xét việc sử dụng các chỉ số nâng quyền nhằm mô tả và giải thích xu hướng và các dạng của nâng quyền, đồng thời bàn luận về những hạn chế trong các cách phân tích hiện nay.

Chương 4 giới thiệu các nghiên cứu trường hợp tại 5 quốc gia và chỉ ra những điểm tương đồng và

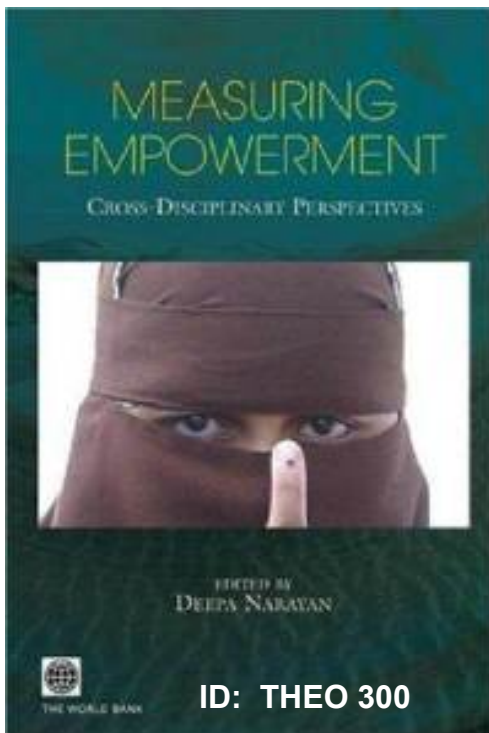
khác biệt giữa các nghiên cứu này nhằm phản ánh sự linh hoạt trong cách áp dụng khung phân tích trong những bối cảnh khác nhau.

Chương 5 trình bày về cách áp dụng khung phân tích trong thiết kế, thực hiện và theo dõi các chính sách, chương trình và dự án phát triển.

Chương 6 xem xét việc sử dụng cấu trúc và tính chủ thể như là những yếu tố quyết định của nâng quyền, đồng thời trình bày tóm tắt cách ứng dụng của đo lường và hiện thực hóa nâng quyền.

Phần hai của cuốn sách, bắt đầu từ chương 7 đến chương 11, trình bày tóm tắt từng nghiên cứu trường hợp tại Brazil, Ethiopia, Honduras, Indonesia and Nepal và đưa ra những bàn luận liên quan đến việc áp dụng khung nâng quyền này trong các bối cảnh khác nhau và những bài học rút ra từ việc áp dụng đó. Cuốn sách cho thấy sự linh hoạt trong cách áp dụng khung phân tích là điều vô cùng quan trọng. Các nghiên cứu này là những minh chứng rõ nét cho sự cần thiết về khả năng thích ứng và linh hoạt trong quá trình sử dụng khung phân tích đối với từng bối cảnh cụ thể.

Tóm lại, cuốn sách đã giới thiệu một khung làm việc dễ tiếp cận đối với người đọc, đặc biệt đối với những người quan tâm đến nâng quyền nhưng vẫn còn chưa hiểu rõ về khái niệm và ứng dụng của nó. Mặc dù xuất phát điểm của tài liệu này là diễn ngôn học thuật, những bàn luận trong cuốn sách lại tập trung vào việc trình bày và minh họa về khung phân tích và khung này có thể được áp dụng trong quá trình thực hiện các chương trình phát triển chứ không chỉ là bàn luận trên lý thuyết.



**Đo lường nâng quyền:
quan điểm từ các ngành nghiên cứu khác nhau**

Deepa Narayan (edt), 2005

Đánh giá của Bimbika Sijapati được in trong tạp chí Development Studies tháng 10 năm 2006 (6): 363-365

Cơ sở lý luận của cuốn sách *Đo lường nâng quyền: quan điểm từ các ngành nghiên cứu khác nhau* chính là nâng quyền cho người nghèo là cách duy nhất để xoá đói giảm nghèo. Cuốn sách đưa ra một hiểu biết toàn diện về khái niệm và đo lường nâng quyền ở bốn cấp độ - cá nhân, hộ gia đình, địa phương và quốc gia thông qua tập hợp bài viết của các học giả và nhà nghiên cứu về phát triển từ những ngành khoa học xã hội khác nhau. Hai chương đầu cung cấp thông tin nền cho toàn bộ cuốn sách. Nâng quyền được định nghĩa là sự tăng lên về tài sản và năng lực của người nghèo để họ có thể tham gia vào, thương thuyết, tạo ảnh hưởng, kiểm soát và có chỗ đứng trong các cơ quan có trách nhiệm giải trình mà có ảnh hưởng đến cuộc sống của họ.

Trong khi các tài liệu về nâng quyền hiện có xu hướng bị phân cực trong các tranh luận liên quan đến cấu trúc và tính chủ thể thì cuốn sách này thừa nhận rằng nâng quyền là một sản phẩm của “tính chủ thể”, “cấu trúc cơ hội” và mối tương tác phức tạp giữa hai yếu tố này. Mười bảy chương của cuốn sách được chia thành 4 phần theo 4 cấp độ nâng quyền khác nhau.

Tài liệu này đã được phát triển sau cuốn “Trao quyền và xoá đói giảm nghèo: sách hướng dẫn” của Ngân hàng Thế giới (2002). Cuốn sách đã đưa ra những nét chính của khung phân tích về cách sử dụng nâng quyền để cải cách nhà nước và hành động chính sách. Một trong những giá trị của cuốn sách là nó không bị giới hạn trong mối liên quan với tác phẩm trước đó và nó nhìn nhận sự liên kết giữa lý thuyết và phương pháp. Vì thế, mỗi chương của cuốn sách đều nêu rõ cơ sở lý thuyết của nâng quyền và lần lượt đề xuất các khung phương pháp phù hợp. Một số tác giả đã khái quát hoá nâng quyền là một quá trình trong khi những tác giả khác lại coi đó là “kết quả”. Ví dụ như Moser (chương 11) đưa ra một ví dụ cho việc sử dụng “các công cụ đánh giá có sự tham gia” vào đo lường và lôi kéo người dân địa phương vào quá trình kiến tạo hoà bình (một điều kiện tiên quyết cho phát triển) có thể nâng quyền cho chính những người dân tham gia này. Ngược lại, Uphoff (Chương 10) sử dụng những bài học kinh nghiệm từ một chương trình thuỷ lợi ở Sri Lanka là ví dụ để chứng minh việc nâng quyền cho những nông dân địa phương có thể nâng cao hiệu quả của hệ thống tưới tiêu như thế nào.

Cuốn sách không trình bày một cách khoa học chính xác về đo lường nâng quyền mà nó đưa ra một đối thoại giữa những học giả và những nhà thực hành mà cùng thừa nhận bản chất đa diện của khái niệm này. Ví dụ như Diamond (Chương 18) nhấn mạnh tầm quan trọng của các chính sách nhà nước trong việc nâng quyền cho người nghèo. Khung phương pháp đo lường “việc quản trị tốt”, bao gồm khả năng cung cấp dịch vụ, sự cam kết của nhà nước với lợi ích công cộng, được đề xuất để đo lường hiệu quả thực hiện các chính sách vì người nghèo ở các cấp độ quốc gia. Diener và Biswas-Diener (Chương 6) cho rằng các hình thức “nâng quyền bên ngoài” (external empowerment) phải được kết hợp với “nâng quyền nội bộ” (internal empowerment). Trong đó, tập trung vào nâng quyền nội bộ vì nó liên quan đến những đánh giá tích cực của người nghèo về cuộc sống của họ (sức khoẻ chủ quan) và những cảm giác tâm lý về năng lực của họ (trao quyền về mặt tâm lý).

Cuốn sách cũng tham gia vào các cuộc tranh luận lớn hơn xung quanh các phương pháp thu thập dữ liệu về đo lường nâng quyền. Do nhận ra những lợi thế và bất lợi của việc sử dụng tách biệt dữ liệu định lượng và định tính, một số tác giả đề xuất chiến lược sử dụng kết hợp hai phương pháp này theo hướng bổ sung cho nhau. Ví dụ như trong việc xây dựng cơ sở cho thiết kế, thực hiện và đánh giá các sáng kiến nâng quyền, Rao và Woolcock (Chương 13) đã thảo luận về cách sử dụng dữ liệu định tính để hoặc thu được thông tin cho các câu hỏi định lượng và/hoặc làm giàu cho dữ liệu định lượng đang được thu thập.

Mặc dù rất đáng khen ngợi nhưng cuốn sách cũng có một số hạn chế nhất định cần được nhấn mạnh. Đường như việc đa dạng hoá các tác giả là nhằm mục đích thống nhất các chủ đề đang phổ biến về phát triển chẳng hạn như “vốn xã hội”, “quản trị tốt”, “giới”, “sự tham gia”, “mâu thuẫn/xung đột”, “phân quyền”, v.v nhưng cuốn sách không phải luôn thể hiện sự liên quan rõ ràng giữa các chủ đề này với trọng tâm của nâng quyền và xoá đói giảm nghèo. Lấy một ví dụ cụ thể từ phần Giới và hộ gia đình, các khung logic về lý thuyết và phương pháp về nâng quyền cho phụ nữ đã được đề xuất dựa trên giả định rằng mối quan hệ giới là bất bình đẳng trên toàn thế giới. Tuy nhiên, nếu sự đột phá của cuốn sách là ở chỗ nâng quyền là một phương tiện để xoá đói giảm nghèo thì nó cần giải thích “nâng quyền cho phụ nữ” liên quan đến xoá đói giảm nghèo như thế nào. Các vấn đề về giới có phải được coi là biến thể của vấn đề đói nghèo không? Nếu vậy thì điều này có nghĩa là phụ nữ trong các gia đình có thu nhập cao không phải đối mặt với việc bị phân biệt đối xử? Ở một mức độ nào đó thì hai câu hỏi sau đã được trả lời một cách gián tiếp, vì nâng quyền cho phụ nữ được xem là kết cục của chính nó và là một vấn đề chung. Đồng thời, việc gán nhãn “phụ nữ là nạn nhân” và “đàn ông là thủ phạm” trên toàn xã hội đang đặt ra rất nhiều câu hỏi. Còn những người đàn ông bị thiệt thòi thì sao? Còn cách nhìn về phụ nữ như là “tác nhân” và “người hành động” với những ưu tiên và các dự án của họ nhưng bị hạn chế bởi các cấu trúc linh động không ổn định thì như thế nào? Hàm ý của việc định nghĩa giới là một phân loại cấu thành tất cả các mối quan hệ xã hội là gì? Hơn nữa, cách nhìn về phụ nữ như vậy sẽ cho chúng ta biết nâng quyền đặc trưng theo giới, và liên quan đến các vấn đề về đo lường như thế nào? Sự liên kết giữa các vấn đề quan trọng này vẫn đang còn bị bỏ ngỏ.

Những điều này làm cho cuốn sách có nhiều hạn chế. Mặc dù cuốn sách thể hiện quan điểm “đa dạng” về nâng quyền nhưng những người có quan điểm cấp tiến (transformatory) về nâng quyền lại không được đề cập trong cuốn sách. Khía cạnh chính trị của khái niệm đã được lột tả thông qua sự thể hiện thái quá của các tác giả, người mà chỉ hoàn toàn nhìn nhận nâng quyền như là một khái niệm “tích cực”. Một trong số những ví dụ rõ ràng cho điều này là Kanck đã dành cả một chương (16) cho giả thuyết rằng nâng quyền có thể xảy ra thông qua những thay đổi về mặt kinh tế và chính trị mà vừa có thể làm lợi cho người nghèo và vừa không cần phải giảm lợi của những người không nghèo. Phương pháp tiếp cận này nhằm giúp cho người nghèo và những người bị thiệt thòi có một chỗ đứng trong cơ cấu quyền lực hiện tại và tránh phải đương đầu và tìm kiếm sự thay đổi cho các cấu trúc bất bình đẳng, cấu

trúc mà trước đây tạo ra, duy trì và củng cố các mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng.

Hơn nữa, cách nhìn thực tế này về nâng quyền được đặt cùng với một chân dung lịch sử, tĩnh tại và không có tiếng nói về “người nghèo” trong suốt cuốn sách. Một thực tế vẫn chưa được khám phá là nâng quyền không thể tách rời với không nâng quyền, nhưng nó cần phải được khái quát hoá thành một khung mà nhìn nhận tính chủ thể con người được phân biệt với sự vận động trong các mối quan hệ quyền lực bất bình đẳng.

Khung lý thuyết này đặt nền móng cho các phương pháp đã được sử dụng, và do đó làm giảm đi đáng kể khả năng thu thập và đánh giá bằng chứng. Lại lấy ví dụ ở phần “Giới và hộ gia đình”, Mason (Chương 4) đánh giá những vấn đề liên quan đến việc sử dụng các chỉ số uỷ quyền (proxy), các nghiên cứu quan sát, các câu hỏi khảo sát mẫu để đo lường việc nâng quyền cho phụ nữ. Sau đó, bà ấy gợi ý một lĩnh vực nghiên cứu đầy hứa hẹn là sử dụng các đo lường “chủ quan” mà phản ánh quan niệm của phụ nữ so với các thành viên khác trong gia đình. Bà cho rằng cần phải sử dụng kết hợp nghiên cứu khảo sát và nghiên cứu quan sát để có được những đo lường này. Việc xem xét loại câu hỏi khảo sát do bà khuyến nghị đã củng cố lập luận trước đó của tôi về một chân dung lịch sử, tĩnh tại và không có tiếng nói của những người hưởng lợi của các sáng kiến nâng quyền. Không có cố gắng nào trong việc tìm hiểu xem phụ nữ tại các thời điểm lịch sử cụ thể giải thích các thể chế ảnh hưởng lên cuộc sống của họ như thế nào, và những phiên giải đó đã ảnh hưởng đến các chiến lược họ sử dụng để thương thuyết và đàm phán trong gia đình và trong các lĩnh vực rộng hơn ra sao. Hơn nữa, phần về “nghiên cứu quan sát” không thảo luận xem nó sẽ bổ sung và xác nhận độ tin cậy của các dữ liệu nghiên cứu khảo sát như thế nào. Cụ thể là không đề cập đến phương pháp nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ giữa người cung cấp thông tin và các nhà nghiên cứu để khai thác các khía cạnh riêng tư, chính trị của các mối quan hệ của con người.

Trong chương giới thiệu của cuốn sách, Narayan gián tiếp dự đoán các điểm nói trên là không thể tránh khỏi những lời chỉ trích về cuốn sách. Đến cuối chương, bà cho rằng trọng tâm của cuốn sách là về đo lường một vấn đề phức tạp - nâng quyền. Tuy nhiên, bà lập luận rằng cần phải làm cho việc này trở thành đơn giản để dễ hiểu và có ý nghĩa với cả các nhà hoạch định chính sách và “người nghèo”. Với các bài viết mang tính học thuật và đa dạng trong cuốn sách thì nó khó mà được gọi là “đơn giản”. Mặc dù cuốn sách có nhiều khía cạnh đáng khen ngợi nhưng nó vẫn có một số điểm “hạn chế” nhất định.

Đánh giá sự nâng quyền của phụ nữ. Hướng đến một khung khái niệm

Các nhà hoạch định chính sách và các nhà thực hành có ý gì khi họ quyết định rằng “việc nâng quyền” – thường là cho phụ nữ hoặc người nghèo – là một mục tiêu mang tính phát triển? Và làm thế nào họ có thể xác định được mức độ thành công mà nó đã đạt được? Mặc dù nâng quyền là một thuật ngữ được sử dụng rất rộng rãi trong bối cảnh này, nhưng vẫn chưa có phương pháp đo lường và theo dõi những thay đổi nào được chấp nhận. Nếu chúng ta muốn nhìn thấy những người được nâng quyền, thì chúng ta phải xem xét xem hiện tại họ có không được nâng quyền hay không, nghĩa là họ gặp khó khăn trong các mối quan hệ quyền lực mà tác động trực tiếp tới những lựa chọn, cơ hội và chất lượng

cuộc sống của họ. Chúng ta có thể được lợi từ việc được cung cấp thông tin tốt hơn về các tranh luận để định hình nên khái niệm quyền lực và vận hành quyền lực. Vì vậy trong bài viết này, sau khi điếm lại một cách vắn tắt việc nâng quyền của phụ nữ được thảo luận trong các nghiên cứu về phát triển, tôi xem xét xem các khái niệm về quyền lực đã được tranh luận ra sao trong suốt nửa sau của thế kỷ 20, và thảo luận xem các mối quan hệ quyền lực có thể được mô tả và đánh giá trong bối cảnh cụ thể như thế nào. Sau đó, tôi đề xuất một khung khái niệm mà có thể đánh giá được việc nâng quyền.

Đường dẫn: <http://ideas.repec.org/a/wly/jintdv/v17y2005i2p243-257.html>

Rosalind Gill (2008). *Feminism & Psychology*, 18: 35

Nâng quyền/ Sự phân biệt đối xử do giới tính:

Tìm hiểu tính tự chủ tình dục của nữ giới trong những quảng cáo đương đại

Bài viết này tranh luận rằng hình mẫu quảng cáo về phụ nữ trong những năm gần đây đã có sự thay đổi đáng kể, chẳng hạn như phụ nữ không còn được coi là bị động và phụ thuộc vào nam giới, mà phụ nữ trẻ trong các quảng cáo hiện nay thường được mô tả là rất năng động, độc lập và mạnh mẽ về tình dục. Phân tích này tìm hiểu cấu trúc của tính chủ thể tình dục của phụ nữ trong các quảng cáo đương đại theo 3 “hình ảnh” có thể dễ dàng nhận ra: trẻ, mong muốn “vòng ngực” hấp dẫn bạn tình khác giới, phụ nữ có ý muốn trả thù trừng phạt bạn tình hiện tại hoặc bạn tình cũ vì tính hung hăng của anh ta, và “những người đồng tính nữ nóng bỏng”, hầu như luôn gắn với vẻ đẹp. Sử dụng những ví dụ về các quảng cáo gần đây, bài viết mong muốn những khái niệm về “tính chủ thể” và nâng quyền được hiểu một cách chính xác.

Tổng hợp những hình mẫu trong các quảng cáo này, bài viết đưa ra một phương pháp tiếp cận quan trọng với những hình mẫu đại diện, xem những gì bị loại trừ, cấu trúc của các mối quan hệ giới và hành vi tình dục khác giới, và cách mô tả quyền lực trong

các quảng cáo này. Cách tiếp cận hậu cấu trúc nữ quyền được sử dụng để tìm hiểu xem “tính chủ thể về mặt tình dục” trở thành một yếu tố quy định trong các quảng cáo này như thế nào, các quảng cáo xây dựng lại hình ảnh nữ tính cho phù hợp với thời đại tự do mới, hậu nữ quyền hiện nay, thời kỳ mà phụ nữ trẻ không chỉ xinh đẹp, mà còn quyến rũ, hiểu biết/ thực hành tình dục tốt, và phải luôn “sẵn sàng cho chuyện đó” ra sao.

Bài viết này là một đóng góp độc đáo cho các cuộc tranh luận về những hình tượng về giới trong các quảng cáo, cho việc phân tích theo chủ nghĩa hậu cấu trúc về sự vận hành của quyền lực đương đại, và cho việc viết về “tính chủ thể về tình dục” của nữ giới bằng cách gợi ý rằng “tiếng nói” hay “tính chủ thể” của phụ nữ có thể không phải là giải pháp cho những diễn ngôn còn thiếu về ham muốn của phụ nữ, nhưng trong thực tế có thể trở thành một kỹ thuật kỉ luật và quy định.

Đường dẫn: <http://fap.sagepub.com/content/18/1/35.short?rss=1&ssource=mfr>

Khái niệm về tính chủ thể, tự chủ và trao quyền của phụ nữ

Tính chủ thể, tự chủ và nâng quyền của phụ nữ là những khái niệm được sử dụng rộng rãi trong các tài liệu về phát triển. Tuy nhiên, sự liên quan của những khái niệm này vẫn còn rất mơ hồ. Trong khi người ta đã phân biệt rõ khái niệm sức khoẻ và tính chủ thể của phụ nữ thì dường như vẫn có sự chông chéo giữa khái niệm tính chủ thể và nâng quyền, giữa tính chủ thể và sự tự chủ. Bài báo này cố gắng tìm hiểu mối liên quan giữa nâng quyền và sự tự chủ thông qua những nét đặc trưng khác nhau như nơi ở, tôn giáo, địa vị xã hội, giáo dục, loại công việc và phân cấp giàu nghèo ở cấp độ cá thể cũng như cấp độ khu vực. Một bản phân tích theo khu vực đã chỉ ra rằng không phải lúc nào sự nâng quyền cũng dẫn đến tự chủ.

Đường dẫn: www.yogyakartaprinciples.org/yogyakarta-article-human-rights-law-review.pdf

Đương đầu với diễn ngôn “nạn nhân”: Nhân dạng của những phụ nữ bị bạo hành (BH)

Trong bài báo này, tôi tìm hiểu xem những phụ nữ bị BH đã thoát khỏi và bác bỏ diễn ngôn nạn nhân như thế nào trong quá trình tự xây dựng và thể hiện bản thân. Dữ liệu thu thập được từ các phỏng vấn bán cấu trúc với những phụ nữ ở độ tuổi 40, đã từng bị bạo hành khác giới BH cho thấy rằng các diễn ngôn “nạn nhân” hiện tại vừa được ủng hộ vừa bị ngăn cản. Bốn đặc điểm phổ biến của một nạn nhân có thể được coi là nhân dạng của phụ nữ bị BH: là một người bị gây hại mà không thể kiểm soát được; là một người cần được cảm thông và/hoặc yêu cầu những hành động chống lại người BH; là một người bị đổ tội vì những trải nghiệm của mình; và là một người bất lực và yếu đuối. Những diễn ngôn “nâng cao vị thế” và “người sống sót” cũng đóng vai trò trong việc hiểu và thông cảm cho những trải nghiệm của phụ nữ. Trong quá trình nỗ lực xây dựng nhân dạng cho bản thân, những phụ nữ bị BH lại bị kẹt giữa những quan niệm nạn nhân hoá, tính chủ thể, và trách nhiệm.

Đường dẫn: <http://www.jstor.org/pss/10.1525/si.2006.29.3.307>

“Những người phụ nữ mạnh mẽ nhất”. Tìm hiểu nội lực của những phụ nữ bị bạo hành

BLGD đang đạt tới quy mô như một đại dịch và được xác định là một cuộc khủng hoảng quốc gia về sức khoẻ ở Mỹ. Tuy nhiên, những câu chuyện về phụ nữ bị bạo hành và những trải nghiệm của họ chỉ gần đây mới xuất hiện trong các tài liệu khoa học. Việc sử dụng các chiến lược đối phó với bạo hành là một trong những lĩnh vực đang cần được nghiên cứu sâu hơn. Bằng cách sử dụng phương pháp hiện tượng học, 17 tình nguyện viên đã thảo luận về nội lực của họ trong việc sống sót khi bị lạm dụng và phát triển những cách thức để bảo vệ bản thân họ trong các mối quan hệ tương lai. Bản mô tả những trải nghiệm về lạm dụng này đã thêm vào những hiểu biết về sức mạnh của phụ nữ và mô tả họ như những người sống sót chứ không phải nạn nhân. Chúng ta cần thực hiện những nghiên cứu trong tương lai để bổ sung thêm vào những hiểu biết đã có về nội lực của phụ nữ trong các phát hiện của nghiên cứu.

Đường dẫn: <http://qhr.sagepub.com/content/12/9/1248>

Nâng quyền về tình dục là gì? Một cách tiếp cận định hướng quá trình và đa chiều với nâng quyền tình dục cho các nữ vị thành niên

Các nhà lý luận không đồng ý về cách định nghĩa khái niệm nâng quyền. Bất đồng này cũng tương tự cho các thảo luận về việc nâng quyền tình dục cho các nữ vị thành niên. Những người theo thuyết nữ quyền đấu tranh với việc liệu nâng quyền tình dục có nên được khái quát hoá thành một cảm giác chủ quan bên trong về quyền lực và tính chủ thể hay là một đo lường khách quan về quyền lực và kiểm soát. Việc định nghĩa nâng quyền tình dục như là một trạng thái chủ quan có thể dẫn đến những cảm giác đánh đồng một cách sai lầm về tính chủ thể với quyền lực về văn hoá và thể chế. Tuy nhiên, một định nghĩa chủ quan về nâng quyền tình dục lại có ích cho việc xác nhận kinh nghiệm và quan niệm của bản thân những cô gái. Bài bình luận này lập luận rằng nâng quyền về tình dục tốt nhất là có thể được khái quát thành một cấu trúc liên tục và đa chiều. Điều này sẽ cho phép công nhận nâng quyền tình dục như là một quá trình phát triển, và nó sẽ cho phép thừa nhận về nâng quyền đa chiều.

Đường dẫn: <http://www.informaworld.com/smpp/content~content=a916820784~db=all~jumpype=rss>

Trải nghiệm xâm hại tình dục và sự hạn chế tính chủ thể của phụ nữ tại Việt Nam đương đại hậu Đổi mới

Nghiên cứu này tìm hiểu xem các chị em ứng đối ra sao với trải nghiệm bị hiếp dâm và các diễn ngôn xã hội về giới và tình dục trong bối cảnh Việt Nam đã ảnh hưởng như thế nào đến họ. Việc thu thập dữ liệu chủ yếu thông qua phương pháp điền dã dân tộc học trên một số đối tượng nghiên cứu nhất định, sử dụng phương pháp phỏng vấn mở, câu chuyện cuộc đời và quan sát tham gia. Nguồn tư liệu bổ sung lấy từ các trích lục tòa án và khảo sát về sự thể hiện các vụ hiếp dâm qua một số bài báo chọn lọc. Kết quả nghiên cứu cho thấy những định kiến xã hội và sự thiếu nhất quán trong cơ chế pháp lý có tác động đến việc giới hạn sự lựa chọn của phụ nữ khi ứng phó với các hệ lụy từ trải nghiệm bị hiếp

dâm. Trên cơ sở những phát hiện nghiên cứu này, tôi muốn đề xuất cách hiểu về sự tự chủ cá nhân như là sự “thương thuyết” trong mối quan hệ với các tác nhân xã hội khác. Ý tưởng về sự tự chủ có tính thương thuyết hẳn sẽ là công cụ lý thuyết hữu thiệu giúp soi rọi những vùng “xám” mà ở đó các chị em phụ nữ, với nhiều phương thức khác nhau, thực thi sách lược sống của họ sau trải nghiệm bị hiếp dâm. Dưới khía cạnh này, sự chú ý cần nhắm đến nét đặc thù cá nhân, tính chủ thể cũng như khả năng thương thuyết của họ trong bối cảnh quan hệ giới từ góc độ giao thoa văn hóa.

Đường dẫn: <http://dare.uva.nl/document/206770>

R. Jewkes and R. Morrell (2011). *Social Science and Medicine*, 2011, đang xuất bản, bản online tháng 5, 2011 .

Tình dục và hạn chế của tính chủ thể của nữ vị thành niên ở Nam Phi: Lý thuyết hoá nữ tính và mối quan hệ với các thực hành có nguy cơ với HIV.

Ở Nam Phi, cả HIV và bạo lực trên cơ sở giới hiện nay đang rất phổ biến. Bất bình đẳng giới đã làm cho đàn ông có quyền lực đáng kể trong mối quan hệ với các phụ nữ trẻ, đặc biệt là trong hoàn cảnh nghèo đói và ở những nơi mà tình dục chủ yếu được dùng là phần thưởng. Những phụ nữ trẻ này được mô tả là nạn nhân của nam giới, nhưng điều này chưa giải thích đầy đủ về tính chủ thể tình dục quan sát được của phụ nữ. Bài viết này tiếp cận theo một cách khác. Chúng tôi sử dụng các cuộc phỏng vấn định tính và quan sát dân tộc học với 16 phụ nữ trẻ đến từ vùng nông thôn Eastern Cape để tìm hiểu xem các phụ nữ trẻ xây dựng nữ tính và rèn luyện tính chủ thể như thế nào. Số liệu được thu thập là một phần của đánh giá Stepping Stones, đó là một can thiệp hành vi có sự tham gia trong phòng chống HIV. Tính chủ thể hầu hết được ghi nhận trong các giai đoạn cụ thể của “trò chơi” hò hẹn, đặc biệt là trong việc khởi đầu mối quan hệ. Hình ảnh về người đàn ông mơ ước rất khác nhau, nhưng nhìn chung đều phản ánh mong muốn tránh BH, sự tôn trọng lẫn nhau, khoái cảm tình dục, sự lãng mạn, hiện đại, địa vị và tiền bạc. Tính chủ thể bị bó hẹp trong mối quan hệ đồng thuận, vì đàn ông mong muốn kiểm soát bạn tình của mình bằng cách sử dụng các biện pháp BH và không BH. Phụ nữ biết rõ

điều này và nhiều người chấp nhận điều đó mặc dù thường xuyên thể hiện sự mâu thuẫn.

Nhiều phụ nữ thể hiện rất nữ tính là nhượng bộ quyền lực trước nam giới như một “lựa chọn” làm cho cuộc sống của họ có ý nghĩa hơn về mặt văn hóa. Ngược lại, nhiều phụ nữ thể hiện nữ tính “hiện đại”, xoay quanh ý tưởng là ham muốn phải được “tự do”. Một luận điểm thứ ba xuất hiện một cách đáng chú ý sau can thiệp Stepping Stones, dựa vào không chỉ thách thức về nữ quyền với chế độ gia trưởng, mà còn sự thích nghi với quyền lực của nam giới trong khi đang tìm cách thương thuyết để có sự tôn trọng hơn và không bạo lực trong các mối quan hệ với nam giới. Những người theo chủ nghĩa nữ quyền năng động và đồng đẳng này đang mở ra những cơ hội cho sự thay đổi. Họ chứng minh sự cần thiết phải có phụ nữ tham gia, cả như là nạn nhân của chế độ gia trưởng và như là những người ủng hộ tích cực cho trật tự giới tính. Những hi vọng, ham muốn và bối cảnh hoàn thành trách nhiệm đưa đến tiềm năng cho các can thiệp với những phụ nữ mà thừa nhận bất bình đẳng giới đang tồn tại, xác nhận tính chủ thể của phụ nữ, giảm bạo lực và ngăn chặn HIV.

Đường dẫn: <http://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmed/21696874>

Phụ nữ tham chính

Việt Nam có hệ thống luật pháp, chính sách tiến bộ về bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực. Hệ thống chính sách về bình đẳng giới đang được hoàn chỉnh và cụ thể hóa đã góp phần nâng cao vai trò và địa vị của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Để thúc đẩy phụ nữ tham gia chính trị, Đảng và Nhà nước đã ban hành những nghị quyết, chỉ thị, luật pháp, chính sách về cán bộ nữ. Đặc biệt đã có hệ thống chỉ tiêu về phụ nữ tham chính. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ nữ được phát triển, tuy nhiên chưa bền vững. Ở nhiệm kỳ 2007-2011, tỷ lệ nữ trong Quốc Hội đạt 25,76%; trong nhiệm kỳ 2004-2011 tỷ lệ nữ HĐND cấp tỉnh: 23,8%; cấp huyện: 22,94% và cấp xã là 19,5%. Đến nhiệm kỳ hiện tại 2011-2016, tỷ lệ nữ đại biểu HĐND có tăng lên không nhiều, đạt 25,05% cấp tỉnh, 24,79% cấp huyện và 22,26% cấp xã, chưa đạt chỉ tiêu đề ra là 30%.

Nhìn chung, vai trò quyền lực chính trị của phụ nữ còn thấp, khoảng cách giới trong tham chính chưa được cải thiện nhiều. Chỉ tiêu nữ được đặt ra nhưng ở nhiều vị trí chưa đạt được. Tỷ lệ phụ nữ tham chính thấp, đặc biệt ở vị trí chủ chốt, tỷ lệ nữ chỉ đạt khoảng 5%. Do vậy tiếng nói ảnh hưởng của phụ nữ trong xây dựng chính sách còn hạn chế. Quyền bình đẳng về tuổi tham chính của phụ nữ chưa được thực hiện đã hạn chế sự thăng tiến của phụ nữ ở độ tuổi trên dưới 50 tuổi.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là do sự thiếu quyết tâm chính trị của những người lãnh đạo, đặc biệt là các cấp ủy Đảng và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức. Thiếu sự lãnh đạo và chỉ đạo sâu sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nghị quyết, luật pháp, chính sách về công tác cán bộ nữ. Nhận thức về bình đẳng giới của xã hội và của những người lãnh đạo còn hạn chế, tư tưởng nam quyền còn nặng nề. Bộ máy vì sự tiến bộ của phụ nữ (Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ, vụ bình đẳng giới, Hội phụ nữ) hoạt động chưa đủ mạnh.

Những kiến nghị với Nhà nước tập trung vào việc tăng cường cam kết trách nhiệm của cấp ủy Đảng, của người đứng đầu các ngành các cấp trong xây dựng, chỉ đạo thực hiện quy hoạch cán bộ nữ, có chính sách hỗ trợ cán bộ nữ; có cơ chế phát huy sự tham gia dân chủ của cán bộ, người dân và các tổ chức phụ nữ trong xây dựng đội ngũ cán bộ nữ.

Diễn đàn sáng kiến nghiên cứu về bạo lực tình dục năm 2011: Hướng tới chương trình hành động

10 -13 tháng 10, 2011, Cape Town, Nam Phi

Website:

<http://www.svri.org/forum2011/>

Hội nghị châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 6 về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và quyền

20-22 tháng 10, 2011, Yogyakarta, Indonesia

Website: <http://www.apcrshr6.org/>

Hội thảo quốc tế về sức khỏe toàn cầu và đào tạo y tế công cộng

25 – 27 tháng 10, 2011, Hong Kong

Website: [http://](http://www.sphpc.cuhk.edu.hk/conference2011/)

www.sphpc.cuhk.edu.hk/conference2011/

Hội nghị quốc tế về AIDS và nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục ở châu Phi

4 – 8 tháng 12, 2011, Addis Ababa, Ethiopia

Website:

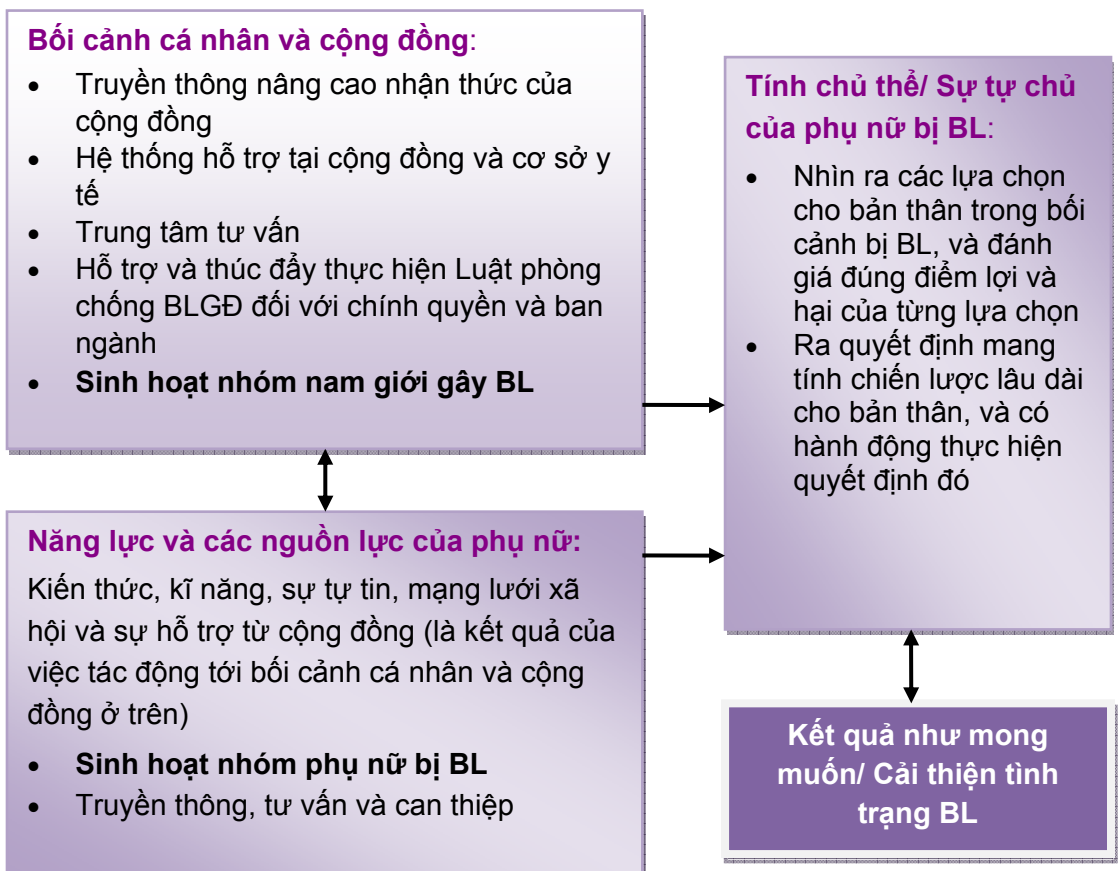
<http://www.icasa2011addis.org/>

Mô hình can thiệp: Nâng quyền cho phụ nữ thông qua sinh hoạt nhóm phụ nữ bị bạo lực và nam giới gây bạo lực

Trong các hoạt động về phòng chống bạo lực gia đình và bạo lực dựa trên cơ sở giới, mục tiêu nâng cao vị thế (nâng quyền) cho phụ nữ bị bạo lực luôn được coi trọng. Dự án “Mô hình lồng ghép phòng chống bạo lực giới dựa vào cơ sở y tế và cộng đồng” do Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP) thực hiện tại thị xã Cửa Lò, Nghệ An (5/2006 – 6/2012) đã xây dựng và thử nghiệm một số chiến lược về nâng quyền cho phụ nữ nói chung và phụ nữ bị bạo lực nói riêng, trong đó nhấn mạnh xây dựng nhận thức và kỹ năng xử trí cho phụ nữ bị bạo lực, thu hút sự tham gia của nam giới gây bạo hành, đồng thời với truyền thông nâng cao nhận thức và vận động sự tham gia của cộng đồng. Dự án đã áp dụng khung lý thuyết về đo lường mức độ nâng quyền của Ruth Alsop và đồng nghiệp.

Bắt đầu từ 2009, dự án đã thử nghiệm mô hình sinh hoạt nhóm phụ nữ tự lực dành cho những phụ nữ bị bạo lực, và nhóm nam giới trách nhiệm dành cho các nam giới gây bạo lực, với mục tiêu chung là tạo thay đổi trong bối cảnh cá nhân thông qua tác động đến nam giới, và xây dựng vốn xã hội cho phụ nữ bị bạo lực. Cách tiếp cận của mô hình sinh hoạt nhóm đề cao sức mạnh tiềm tàng của những phụ nữ bị bạo lực, không coi họ là “nạn nhân” yếu đuối và kém cỏi, mà trang bị cho họ kiến thức và kỹ năng để họ phát huy thế mạnh của bản thân, xây dựng hình ảnh tích cực về phụ nữ bị bạo lực, và có tiếng nói chung với

những phụ nữ đồng cảnh ngộ khác. Đối với nam giới, hoạt động nhóm khơi gợi “nam tính” và vai trò “làm chồng/ làm cha” theo cách tích cực, hướng tới bình đẳng giới, nhằm hỗ trợ cho những nỗ lực thể hiện bản thân của phụ nữ; và đặc biệt, sự thay đổi của nam giới được đánh giá dựa trên phản hồi của vợ của họ. Ngoài ra, các nhóm có sự kết nối đến các dịch vụ hỗ trợ nhằm đảm bảo an toàn cho phụ nữ bị bạo lực, và hỗ trợ sự thay đổi nhận thức và hành vi của phụ nữ bị bạo lực, và chồng của họ. Ví dụ, Trung tâm Tư vấn Hạnh phúc và Gia đình thực hiện tư vấn cá nhân theo yêu cầu; các nhóm tổ chức 1 – 2 sự kiện ngoại khóa nhằm tăng cường trao đổi thông tin giữa các cặp vợ chồng có bạo lực, và đưa các thông điệp truyền thông tới cộng đồng; kết nối thông tin để can thiệp và hỗ trợ kịp thời giữa các nhóm và hệ thống hỗ trợ ở cộng đồng.





Một buổi sinh hoạt nhóm nữ

Trong năm 2009 các tài liệu sinh hoạt nhóm đã được soạn thảo, và được sử dụng để đào tạo người điều hành sinh hoạt nhóm, đồng thời lấy ý kiến góp ý để điều chỉnh.

Chương trình sinh hoạt của các nhóm được chia thành 14 bài tương đương 14 buổi sinh hoạt, với thời lượng 90 phút/ 1 buổi. Nội dung sinh hoạt nhóm được thiết kế riêng cho nhóm nam và nữ, tập trung vào 3 hoạt động chính: giải tỏa cảm xúc, cung cấp kiến thức và xây dựng kỹ năng, thông qua các hoạt động trò chơi, thảo luận nhóm, đóng vai và các hoạt động sáng tạo. Hoạt động nhóm nữ tập

trung vào: 1) cung cấp kiến thức về giới và bạo lực trên cơ sở giới, 2) chuẩn bị tâm lý thừa nhận sự thật về mối quan hệ bạo lực, 3) thay đổi thái độ ứng xử đối với hành vi bạo lực và không tự đổ lỗi cho mình, 4) nhận biết mối liên hệ giữa bạo lực và sức khỏe sinh sản và tình dục, 5) xây dựng các kỹ năng đương đầu với bạo lực, gồm kỹ năng giao tiếp hiệu quả, kỹ năng thương thuyết và đảm bảo an toàn, kỹ năng tìm kiếm sự hỗ trợ, kỹ năng ra quyết định v.v. Hoạt động nhóm nam tập trung vào: 1) các kỹ năng xử trí mâu thuẫn không dùng bạo lực, kiểm soát nóng giận và hành vi tích cực thay thế, 2) tìm hiểu nguyên nhân cấu thành hành vi bạo lực và nhận biết tác hại của bạo lực đến chính bản thân nam giới, 3) các công cụ giám sát hành vi bạo lực dựa trên mối quan hệ suy nghĩ – cảm xúc – hành vi, và duy trì hành vi thay thế tích cực.

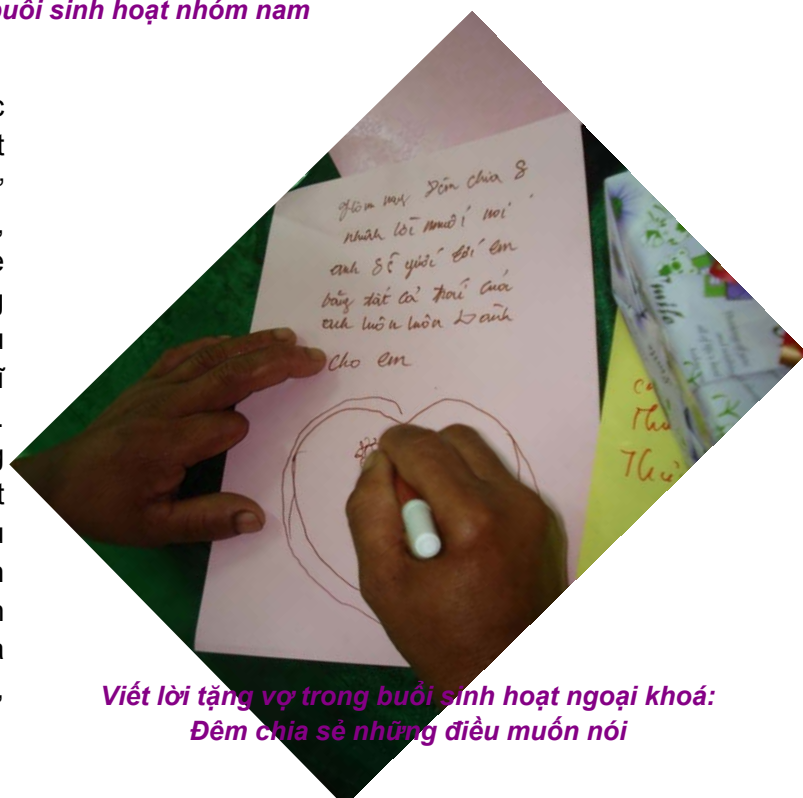
Từ đầu năm 2010 đến nay, đã có 6 nhóm phụ nữ tự lực được thành lập và đi vào hoạt động tại 6 phường, mỗi nhóm có 12 – 14 thành viên; và 3 nhóm nam giới trách nhiệm được thành lập ở 3 phường, mỗi nhóm có 14 – 18 thành viên. Kết quả nghiên cứu sau chu kì sinh hoạt nhóm đầu tiên cho thấy: hơn 80% phụ nữ có kiến thức đúng về giới và bạo hành giới, 90% phụ nữ đã có kế hoạch an toàn trước mắt và lâu dài, hơn 70% phụ nữ đã tìm đến hệ thống hỗ trợ khi bị bạo hành và hơn 60% giới thiệu hoặc hỗ trợ các phụ nữ bị bạo lực khác tại cộng đồng. Trước can thiệp thì các chỉ số trên chỉ đạt trên dưới 30%. Đặc biệt, hơn 70% nam giới sau khi sinh hoạt nhóm cho biết trong 6 tháng gần đây, họ không thực hiện hành vi bạo lực với vợ của họ.



Đóng kịch trong buổi sinh hoạt nhóm nam

Để tìm hiểu thêm về các nội dung liên quan đến bài viết trên, xin vui lòng liên hệ với chị Trần Thị Thanh Tâm qua địa chỉ email:

ttam@ccihp.org



*Viết lời tặng vợ trong buổi sinh hoạt ngoại khóa:
Đêm chia sẻ những điều muốn nói*

Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP) đã khởi xướng các hoạt động nâng cao năng lực cho nghiên cứu viên và cán bộ chương trình thuộc các ngành khoa học xã hội ở Việt Nam, trong đó bao gồm cả năng lực viết bài nghiên cứu cho các hội nghị khoa học và tạp chí quốc tế, từ năm 2003. Trung tâm Thông tin Tư liệu Giới, Tình dục và Sức khỏe (GSHRC) thuộc CCIHP được thành lập năm 2010 nhằm tiếp nối và phát triển các kinh nghiệm và thành công trong các hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực lên mức độ chuyên nghiệp và hiệu quả hơn. Một trong những chiến lược mà GSHRC áp dụng là tổ chức các lớp tập huấn về kỹ năng viết bài và trình bày báo cáo khoa học hướng đến các sự kiện cụ thể. Chiến lược này tỏ ra có hiệu quả, khi 4 học viên của khóa học về kỹ năng trình bày báo cáo khoa học – là nghiên cứu viên/ diễn giả của Đại học Y Hà Nội, đã có bài trình bày ấn tượng tại Hội nghị khoa học quốc gia về phòng, chống HIV/AIDS lần thứ IV của Việt Nam; đồng thời, 100% học viên của khóa học về kỹ năng viết bài gửi Hội nghị Châu Á – Thái Bình Dương về AIDS lần thứ 10 (ICAAP 10) – là trưởng một số nhóm đồng đẳng và cán bộ dự án của 4 tổ chức, đã được chấp nhận trình bày trong các phiên họp và trình bày poster.

Hội nghị Châu Á Thái Bình Dương về Sức khỏe sinh sản, Sức khỏe tình dục và Quyền lần thứ 6 (APCRSHR6) dự kiến diễn ra từ 19 – 22/10/2011 tại Indonesia. Đây là sự kiện quan trọng đối với những người làm việc trong lĩnh vực giới, sức khỏe sinh sản, tình dục, HIV và quyền con người ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Để chuẩn bị cho sự kiện này, GSHRC đã tổ chức lớp tập huấn về kỹ năng viết bài nghiên cứu hoặc can thiệp gửi cho APCRSR 6 trong 2 ngày 23 và 24 tháng 5. Mục tiêu của tập huấn là giúp các học viên: 1) mô tả được các bước tìm hiểu và sử dụng thông tin về hội nghị để phục vụ cho việc viết bài và xin học bổng; và, 2) thực hành được các kỹ năng viết bài tóm tắt cho hội nghị khoa học, từ thiết lập luận điểm, đến cách thức trình bày, sử dụng ngôn ngữ v.v.

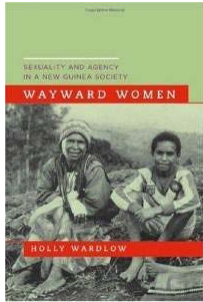
Tham dự tập huấn có 9 học viên là các nghiên cứu viên trẻ, các cán bộ dự án đến từ các tổ chức làm

việc trong lĩnh vực Sức khỏe sinh sản, Tình dục và Quyền. Một “lỗi” thường gặp ở các nghiên cứu viên và cán bộ dự án trẻ là chưa xác định được trọng tâm cho bài viết dựa trên các phát hiện của nghiên cứu hay điểm mạnh của mô hình can thiệp, nên các bài viết thường chung chung, không gây ấn tượng mạnh, và chưa tỏ ra phù hợp với chủ đề của hội nghị. Cách tiếp cận của khóa tập huấn là trang bị cho học viên các kỹ năng xây dựng luận điểm chính và các luận điểm phụ, dựa trên các phát hiện hay thông tin dự án của họ, và dựa trên phân tích chủ đề, mục tiêu, cũng như các từ khóa của hội nghị. Để viết một bài tóm tắt gửi hội nghị và được chấp nhận, các nghiên cứu viên và cán bộ dự án cần đưa ra được những thông tin đặc sắc, gây ấn tượng và phù hợp, thay vì trình bày tất cả những gì mà họ có. Đồng thời, tiêu đề của bài viết cũng rất quan trọng – ấn tượng, sát với nội dung của bài viết, nhưng lại phải thể hiện khả năng ứng dụng ở khu vực và “gắn gũi” với chủ đề của các phiên họp. Các học viên thực hành và rút kinh nghiệm ngay trên bài viết của mình, và trải qua nhiều vòng trình bày và nhận xét của giảng viên cũng như các bạn đồng nghiệp ở trên lớp.

Các học viên đều đánh giá cao hiệu quả của khóa học, không chỉ trong việc cải thiện rõ rệt chất lượng bài viết của họ, mà quan trọng hơn, trong việc xây dựng cho họ kỹ năng để tìm hiểu thông tin và viết bài cho các hội nghị sau này. Các học viên, GSHRC và ban tổ chức lớp tập huấn hết sức vui mừng với kết quả của khóa học này: toàn bộ 9 bài viết – sản phẩm của lớp học, đã được chấp nhận trình bày ở APCRSR 6 sắp tới, trong đó có tới 8 bài trình bày tại các phiên họp, và chỉ có 1 bài trình bày poster. Tiếp nối thành công của khóa học này, GSHRC sẽ tổ chức tập huấn Kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học trong hai ngày 15 – 16 tháng 8, nhằm hỗ trợ các diễn giả/ nghiên cứu viên trình bày hiệu quả tại ICAAP 10 và APCRSR 6.

Để biết thêm thông tin, xin liên hệ chị Nguyễn Thị Thành Trung ở địa chỉ email: trung@ccihp.org

Tài liệu cùng chủ đề từ Thư viện CCIHP



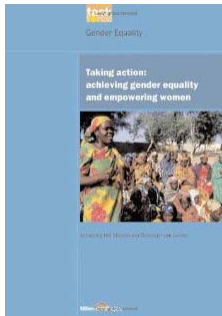
Holly Wardlow. 2006. Wayward women: Sexuality and agency in a new guinea society. University of California Press. USA.

ID: THEO 343



CIHP, PDI & JSI. 2002. Giới, Nâng cao vị thế phụ nữ về sức khỏe sinh sản ở 4 vùng dân cư của Việt Nam

ID: REP 433



Grown, C., Rao Gupta, G. and Kes, A. 2005. Taking Action: Achieving Gender Equality and Empowering Women

ID: THEO 595



Sida. 2001. Discussing Women's Empowerment: Theory and Practice

ID: THEO 596

Thông tin & Tư vấn miễn phí về Tâm lý tình cảm, SKSS, Tình dục & HIV cho Thanh thiếu niên

Website: <http://tamsubantre.org/>

Thông tin & Tư vấn miễn phí về Tâm lý tình cảm, SKSS, Tình dục và HIV cho MSM

Website: <http://nam-man.vn/>

Số điện thoại tư vấn phía Bắc: **0466841568**

Số điện thoại tư vấn phía Nam: **0835882441**

Thông tin và Tư vấn miễn phí về Bạo hành Giới cho Phụ nữ, Nam giới và Thanh niên tại miền Trung

Địa chỉ: Tầng 2, Khu Nội A, Bệnh viện đa khoa Thị xã Cửa Lò

Điện thoại: **0383 955 912**

Tư vấn viên nam (Anh Nguyên): **0977 760 249**

Tư vấn viên nữ (Chị Thân): **0167 931 8569**

Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân Số - CCIHP

Số 2, ngách 49/41 Huỳnh Thúc Kháng, HN

Tel: **(84 - 4) 3577 0261**

Fax: **(84 - 4) 3577 0260**

Website: <http://cihp.vn>

Email: ccihp@ccihp.org

Email Ban biên tập: gshnewsletter@ccihp.org

Building a healthy future for all



“Why not? – Tại sao không?” là cuộc thi video clip do Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP) đưa ra nhằm giảm mang thai ngoài ý muốn và nạo phá thai không an toàn ở vị thành niên và thanh niên thông qua khẳng định quyền tình dục của thanh niên và vị thành niên.

Cuộc thi khuyến khích các sáng kiến thúc đẩy trao đổi giữa cha mẹ và con cái, giữa nhà trường và học sinh về tình dục và sinh sản và nâng cao năng lực thương thuyết tình dục đồng thuận và an toàn trong thanh niên và vị thành niên.

Đây là chương trình hợp tác giữa CCIHP và Hiệp hội Giới, Tình dục và Sức khỏe Đông Nam Á với sự hỗ trợ kinh phí từ quỹ FORD thông qua ARROW. Thông tin chi tiết về cuộc thi được đưa trên trang fanpage của chương trình: <http://facebook.com/whynot.taisaokhong>

whynot.taisaokhong

Các câu hỏi và ý kiến đóng góp xin trao đổi trực tiếp trên fanpage của chương trình hoặc liên hệ theo email: whynot.taisaokhong@ccihp.org hoặc Đinh Thị Phương Nga: nga@ccihp.org, Tạ Hoài Giang: hoai giang@ccihp.org.

Ban biên tập:

Hoàng Tú Anh

Quách Thị Thu Trang

Nguyễn Thị Vịnh

Nguyễn Thị Thành Trung

Đinh Thị Phương Nga